

Bản án số: 189/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thắng
2. Ông Đinh Chí Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Xuân Đ (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Chị Đ và anh T tổ chức đám cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 13/5/2014. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Chị Đ xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Con chung: Có hai người con chung là Trần Thị Trà M, sinh ngày 10/12/2007 hiện anh T đang nuôi dưỡng và Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/9/2014 hiện chị Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy, giao cháu My cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh Trần Văn T nhưng anh không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị Đ, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai: Chị Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Đ và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh T.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Đ thấy rằng cháu H đang chung sống ổn định với chị Đ, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ giao cháu H cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu M chị Đ giao cho anh T nuôi dưỡng là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận. Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Đ, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị Đ không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị Đ đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Xuân Đ, anh Trần Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Xuân Đ và anh Trần Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc giao con cho anh T nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Thị Trà M, sinh ngày 10/12/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/9/2014 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Đ, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 14/10/2022 chị Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003038 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đ, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn